

THÔNG BÁO KHOA HỌC

**NGHIÊN CỨU ĐÁNH GIÁ HIỆN TRẠNG BẢO VỆ NGUỒN LỢI HẢI SẢN  
VÙNG BIỂN VEN BỜ TỈNH QUẢNG NAM**

**STUDY ON THE ASSESSMENT OF ACTIVITIES OF PROTECTING MARINE RESOURCES  
IN THE COASTAL AREA OF QUANG NAM PROVINCE**

**Phạm Việt Tích<sup>1</sup>, Trần Đức Phú<sup>2</sup>, Đỗ Văn Thành<sup>3</sup>,  
Nguyễn Phi Toàn<sup>3</sup>, Nguyễn Đình Phùng<sup>3</sup>, Tô Văn Phương<sup>2</sup>**

Ngày nhận bài: 10/1/2019; Ngày phân biện thông qua: 25/2/2019; Ngày duyệt đăng: 4/3/2019

**TÓM TẮT**

Nghiên cứu đã sử dụng phương pháp điều tra và khảo sát hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi hải sản (NLHS) ở vùng biển ven bờ tỉnh Quảng Nam. Kết quả nghiên cứu cho thấy, đội ngũ cán bộ thanh tra của tỉnh còn thiếu, cơ sở vật chất không đầy đủ. Hoạt động thanh tra bảo vệ NLHS tỉnh Quảng Nam được đánh giá là thực hiện khá tốt, công tác tuyên truyền phổ biến chính sách và quy định của Nhà nước về khai thác hải sản được thực hiện khá đầy đủ. Tuy nhiên, tình trạng vi phạm quy định vẫn diễn ra ở một số nghề khai thác: khoảng 92,0% tàu cá vi phạm quy định về kích thước mắt lưới tối thiểu được phép sử dụng; 30,0% tàu cá vi phạm quy định về ngư trường và có 31,3% số người được hỏi sử dụng ngư cụ cấm trong khai thác hải sản. Nguyên nhân chính là: ý thức người dân chưa cao (chiếm khoảng 47,7% trường hợp); việc quản lý của đội ngũ cán bộ còn yếu (chiếm khoảng 50,8% số người được hỏi) và 9,2% người được hỏi cho rằng công tác tuyên truyền của địa phương đến người dân chưa được tốt.

Từ khóa: Bảo vệ nguồn lợi thủy sản, ngư cụ khai thác, ngư trường khai thác, tỉnh Quảng Nam.

**ABSTRACT**

The study used the method of surveying and surveying activities of exploitation and protection of marine resources in coastal area of Quang Nam province. The results show that the contingent of inspectors in the province is inadequate, incomplete facilities. The inspection activities for the protection of marine resources in Quang Nam province is considered to be quite good, the propaganda on dissemination of policies and regulations of country on capture fisheries has been implemented quite sufficiently. The illegal fishing is still occurring in some fishing: about 92.0% of fishing vessels violate mesh size and 30.0% of fishing vessels violate fishing grounds. On the fishermen's opinion, about 31.3% of respondents said that the use of fishing gear was illegal. Causes of fishermen are due to: people's awareness is not high (about 47.7% of respondents said); the management of staff is weak (about 50.8% of respondents); and 9.2% said that the propaganda of local people was not good.

Key words: Protection of aquatic resources, fishing gears, fishing grounds, Quang Nam province.

**I. ĐẶT VẤN ĐỀ**

Tỉnh Quảng Nam có bờ biển dài trên 125km, vùng đặc quyền kinh tế rộng hơn 40.000 km<sup>2</sup>, hình thành nhiều ngư trường với NLHS phong phú, đa dạng về chủng loại để phát triển nghề

khai thác hải sản [1-4]. Tuy nhiên, với áp lực khai thác ngày càng tăng, đặc biệt là ở vùng biển ven bờ, tình trạng ngư dân sử dụng ngư cụ cấm, ngư cụ có kích thước mắt lưới nhỏ, đánh bắt không chọn lọc vẫn diễn ra ở một số nghề khai thác [5,6,8]. Điều này đã tàn phá ngư trường và NLHS, thậm chí còn phá hủy môi trường sinh thái các rạn san hô, thảm cỏ, rong

<sup>1</sup> Nghiên cứu sinh ngành Khai thác Thủy sản, Trường Đại học Nha Trang

<sup>2</sup> Trường Đại học Nha Trang

<sup>3</sup> Viện nghiên cứu Hải sản

biển, làm mất nơi sinh cư của nhiều loài hải sản, trữ lượng nguồn lợi đang có nguy cơ bị suy giảm.

Trên cơ sở số liệu của đề tài “*Nghiên cứu xây dựng cơ sở khoa học và giải pháp khai thác hợp lý, bảo vệ nguồn lợi hải sản vùng biển Quảng Nam và lân cận*”, nhóm nghiên cứu đã tiến hành đánh giá hiện trạng bảo vệ NLHS của vùng biển nghiên cứu nhằm cung cấp cơ sở khoa học giúp địa phương đưa ra các giải pháp sử dụng hợp lý, góp phần phát triển ngành thủy sản theo hướng bền vững.

## II. TÀI LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

### 1. Nội dung và phạm vi nghiên cứu

- Nội dung nghiên cứu: hoạt động bảo vệ NLHS ở vùng biển ven bờ tỉnh Quảng Nam.

- Phạm vi nghiên cứu: vùng biển ven bờ tỉnh Quảng Nam.

### 2. Phương pháp nghiên cứu

#### 2.1. Phương pháp thu thập số liệu

- Số liệu thứ cấp: Phòng văn cán bộ quản lý nghề cá tại địa phương.

- Số liệu sơ cấp: Điều tra ngư dân ở các huyện ven biển của tỉnh Quảng Nam và một số địa phương ven biển tiếp giáp ở Đà Nẵng và Quảng Ngãi. Việc thu số liệu sơ cấp được thực hiện theo phương pháp thu mẫu ngẫu nhiên, bằng cách phỏng vấn trực tiếp ngư dân tại các cảng cá, bến cá, các khu vực tập trung ngư dân. Nghiên cứu đã điều tra 182 chủ tàu cá. Trong đó, nghề lưới kéo có 49 mẫu, lưới rê có 46 mẫu, lưới vây có 7 mẫu, nghề mảnh 18 mẫu, nghề bẫy 32 mẫu, nghề câu 23 mẫu và lơ dây 7 mẫu.

#### 2.2. Phương pháp xử lý số liệu

Các số liệu được xử lý trên các phần mềm hiện có (Excel, Statistica 6.0...), được tổng hợp và phân tích theo hệ thống dựa trên các chỉ tiêu thống kê của các tài liệu được thu thập, làm rõ thực trạng bảo vệ NLHS ở vùng biển nghiên cứu.

## III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 1. Thực trạng về công tác quản lý và bảo vệ NLHS

#### 1.1. Đội ngũ cán bộ, cơ sở vật chất và việc thực

#### thi công tác bảo vệ NLHS

Lực lượng thanh tra thủy sản của Quảng Nam hiện có 6 biên chế, 01 tàu thanh tra công suất 385cv và 1 ca nô có công suất máy 75cv. So với quy mô tàu thuyền và vùng biển hoạt động khai thác thì lực lượng này được đánh giá là thiếu, không tuần tra, kiểm soát được các hoạt động khai thác của ngư dân trên các vùng biển, đặc biệt là vùng ven bờ và vùng lộng, khó phát hiện kịp thời và ngăn chặn các hoạt động xâm hại đến NLHS [7].

Tuy nhiên, với việc kết hợp giữa tuyên truyền phổ biến các quy định pháp luật về bảo vệ nguồn lợi thủy sản với hoạt động tuần tra, thanh tra để xử lý, thì lực lượng Thanh tra thủy sản của tỉnh đã đạt được nhiều kết quả, cụ thể trong năm 2016 như sau [7]:

- Tính đến 15/11/2016 đã thực hiện 36 đợt thanh tra, kiểm tra;

- Số đối tượng được thanh tra, kiểm tra: 781 cá nhân, 3 tổ chức;

- Nội dung thanh tra, kiểm tra chủ yếu tập trung vào việc chấp hành các quy định pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản; quản lý tàu cá, chấp hành các quy định về đóng mới, cải hoán tàu cá; quy định đảm bảo an toàn cho người và tàu cá hoạt động trên sông, trên biển.

- Qua thanh tra, kiểm tra đã phát hiện được 74 trường hợp vi phạm và ra quyết định xử lý, chủ yếu là vi phạm quy định về đăng ký, đăng kiểm tàu cá; giấy phép khai thác thủy sản; tàu cá làm nghề lưới kéo khai thác thủy sản tại vùng biển ven bờ; sử dụng xung điện trên tàu cá để khai thác thủy sản.

#### 1.2. Công tác quản lý khai thác và tuyên truyền bảo vệ NLHS

Để quản lý hoạt động khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản một cách có hiệu quả, UBND tỉnh Quảng Nam đã chỉ đạo đến các ngành chức năng cũng như người dân phải tuân thủ về quy định khai thác và bảo vệ nguồn lợi này một cách bền vững. UBND tỉnh đã ban hành Quy chế quản lý khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh (Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND ngày 20/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam) [9].

Bên cạnh quy định về khai thác, bảo vệ NLHS tỉnh cũng có quy định về quản lý san hô, rong mơ. Trong đó đối với hệ sinh thái rạn san hô Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm, được thực hiện theo Quy chế quản lý khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm. Đối với hệ sinh thái rạn san hô khu vực Bàn Than - Mũi An Hòa thuộc vùng biển ven bờ huyện Núi Thành, giao UBND huyện Núi Thành tổ chức thực hiện quản lý, bảo vệ, không để ngư dân khai thác, phá hoại san hô, xây dựng kế hoạch điều tra khoanh vùng khu vực bảo vệ, bảo tồn và cơ chế chuyển đổi nghề khai thác trên các vùng cần bảo vệ, bảo tồn và các vùng, khu vực cần phục hồi sinh thái [2,3].

Công tác tuyên truyền, phổ biến Luật Thủy sản và các văn bản hướng dẫn thi hành, Chỉ thị 01/1998/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ, Chỉ thị 13/CT-UB của UBND tỉnh về nghiêm cấm sử dụng chất nổ, xung điện, chất độc để khai thác thủy sản được thực hiện thường xuyên ở các huyện, thành phố có nghề cá trong tỉnh, đối tượng tuyên truyền là cán bộ xã, phường và ngư dân.

Tuyên truyền để nâng cao nhận thức của người dân về bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản bằng các hình thức khác nhau được tăng cường và thực hiện thường xuyên. Tổ chức các lớp tập huấn tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo, phổ biến Luật Biển Việt Nam, các quy định về khai thác thủy sản của nước ta và một số nước trong khu vực.

Đã công bố ranh giới vùng khai thác hải sản ven biển với 02 tỉnh, thành phố giáp ranh là Quảng Ngãi và Đà Nẵng.

*Kết quả tuyên truyền, phổ biến pháp luật về công tác thanh tra:*

Đã tổ chức được 12 lớp tập huấn, tuyên truyền, giáo dục pháp luật chuyên ngành thủy sản, với 720 người tham gia, cụ thể [7]:

- Tổ chức 03 lớp tập huấn tuyên truyền về chủ quyền biển, đảo cho đối tượng là ngư dân, với số lượng 180 người tham gia. Nội dung tuyên truyền tập trung phổ biến Luật biển Việt Nam, các quy định về khai thác thủy sản của nước ta và một số nước trong khu vực để ngư dân nắm rõ, tránh sai phạm trong khi hoạt động

trên các vùng biển.

- Tổ chức 05 lớp tập huấn tuyên truyền, phổ biến các quy định pháp luật về khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản, với số lượng 300 người tham gia.

- Tổ chức 02 lớp tập huấn tuyên truyền, hướng dẫn phòng chống thiên tai, tìm kiếm cứu nạn nghề cá, với số lượng 120 người tham gia.

- Tổ chức 02 lớp tập huấn hướng dẫn thành lập, hoạt động của Tổ đội đoàn kết khai thác hải sản trên biển, với số lượng 120 người tham gia.

Ngoài ra, chuyên mục bảo vệ nguồn lợi thủy sản đã được đăng tải trên trang thông tin điện tử (website) của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh, trên sóng truyền thanh với tần suất 2 lần/tuần.

### *1.3. Thực trạng bảo vệ NLHS ở khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm*

Khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm có nhiều hệ sinh thái quan trọng như: rạn san hô, thảm cỏ biển, thảm rong biển với nhiều giá trị nổi bật về đa dạng sinh học. Diện tích mặt nước khu bảo tồn biển là 5.175ha, với khoảng 311ha rạn san hô, 500ha thảm cỏ biển với nhiều loài hải sản có giá trị. Hiện nay, Ban quản lý khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm đã xác định 9 đối tượng mục tiêu cần ưu tiên bảo tồn đó là: rạn san hô, thảm cỏ biển, tôm hùm, bào ngư, ốc vú nàng, vú sao, trai tai tượng, ốc tù và, cá cảnh và bàn mai. Kết quả hoạt động bảo vệ NLHS của khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm trong giai đoạn 2009 – 2013 như sau:

#### *1.3.1. Hoạt động bảo vệ rạn san hô*

*Đào tạo kỹ thuật giám sát:* Với sự hỗ trợ kỹ thuật của Viện Hải dương học và Viện Nghiên cứu Hải sản, Ban quản lý Khu bảo tồn biển đã đào tạo được 08 cán bộ kỹ thuật để thực hiện việc giám sát chất lượng các rạn san hô trong Khu bảo tồn biển.

*Tổ chức giám sát kỹ thuật:* Thừa kế các điểm khảo sát của Viện Hải dương học qua các năm 2004 và 2008, giai đoạn 2010 – 2013, Ban quản lý Khu bảo tồn biển đã sử dụng lực lượng đã được đào tạo để thực hiện công việc giám sát một số chỉ tiêu cơ bản: cá rạn, động

vật đáy, hợp phần đáy, v.v tại 10 khu vực có rạn san hô trong Khu bảo tồn biển. Kết quả giám sát cho thấy:

- Độ phủ san hô sống trung bình trong toàn khu bảo tồn biển trong giai đoạn 2009 – 2012 không có sự thay đổi đáng kể. Riêng năm 2013, chỉ tiêu này tăng đột biến, độ phủ chung đạt 40,56%. Với độ phủ này, rạn san hô tại Cù Lao Chàm được xếp ở mức độ khá.

- Về cá rạn và động vật đáy kích thước lớn: mật độ cá rạn và động vật đáy ở mức độ thấp và có xu hướng giảm dần qua các năm. Cụ thể: Cá bướm tại Hòn Lá thứ tự qua các năm 2011 - 2012 - 2013 tương ứng là: 2 - 1,8 - 1,0 cá thể/500m<sup>3</sup>, cá bướm tại Bãi Bìm thứ tự qua các năm 2011 - 2012 - 2013 là: 2 - 1,5 - 1,0 cá thể/500m<sup>3</sup>.

*Phục hồi diện tích rạn san hô:* Giai đoạn 2012 - 2013, trong khuôn khổ đề tài “Nghiên cứu ứng dụng công nghệ phục hồi san hô cứng ở một số khu bảo tồn biển trọng điểm”, BQL đã phối hợp với Viện Hải dương học phục hồi được 4.000m<sup>2</sup> san hô cứng tại 02 địa điểm là Bãi Tra - Bãi Nân và Bãi Xếp - thuộc vùng bảo vệ nghiêm ngặt.

### 1.3.2. Hoạt động ngăn chặn khai thác thủy sản trái phép

Hoạt động ngăn chặn khai thác thủy sản trái phép xung quanh khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm do đội tuần tra trực thuộc ban quản lý khu bảo tồn đã tổ chức hoạt động tuần tra, ngăn chặn các tàu khai thác hải sản trái phép xung quanh khu bảo tồn Cù Lao Chàm. Để triển khai công tác này, đội đã phối hợp với các lực lượng chức năng và cộng đồng địa phương để thực hiện tuần tra định kỳ và đột xuất nhằm phát hiện, ngăn chặn, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm Quy chế quản lý khu bảo tồn và các quy định hiện hành của Nhà nước.

Đến hết năm 2017, đội đã thực hiện được 955 lượt tuần tra. Trong đó, đội đã phối hợp với bộ đội Biên phòng Cù Lao Chàm thực hiện 520 lượt, với Công an xã Tân Hiệp thực hiện 435 lượt. Ngoài ra, Đội tuần tra còn phối hợp với Hội nông dân, ban nông lâm ngư, Thanh tra Chi cục tỉnh Quảng Nam, tổ tuần tra cộng

đồng thôn Bãi Hương và ngư dân xã Tân Hiệp để thực hiện hoạt động tuần tra.

Trong quá trình kiểm tra, Đội tuần tra đã phát hiện và xử lý 162 trường hợp vi phạm Quy chế quản lý khu bảo tồn biển. Trong đó, ngư dân địa phương sống tại Cù Lao Chàm có 12 trường hợp, ngư dân ngoài địa phương là 150 trường hợp. Các loại nghề vi phạm chủ yếu là: nghề lưới kéo có 74 trường hợp; nghề lặn có 43 trường hợp; nghề lưới vây và lưới rê có 28 trường hợp và 17 trường hợp đối với nghề câu, lưới mảnh, lặn khai thác san hô.

Hình thức xử lý: phạt vi phạm hành chính 101 trường hợp với tổng số 72.400.000 đồng; tịch thu ngư cụ 5 trường hợp; cảnh cáo, nhắc nhở 56 trường hợp;

### 1.3.3. Hoạt động bảo vệ bãi biển

Đã tổ chức 02 cuộc tham vấn cộng đồng và các bên liên quan để xác định hiện trạng và giải pháp bảo vệ bãi biển.

Xây dựng được dự thảo quy chế quản lý bãi biển, mục đích của quy chế là nhằm quản lý các hoạt động kinh doanh dịch vụ du lịch tại các bãi biển trên địa bàn xã Tân Hiệp, thành phố Hội An.

Đào tạo được 04 cán bộ có kỹ năng cứu hộ trên biển; xây dựng 01 chòi canh, phục vụ công tác cứu hộ tại Bãi Ông và đầu tư các trang thiết bị ban đầu như áo phao, trang phục, ống nhòm.

### 1.3.4. Hoạt động bảo vệ một số loài điển hình

Ban quản lý khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm đã xác định được một số đối tượng mục tiêu cần bảo vệ nghiêm ngặt, trong đó có tôm hùm, ốc vú sao và ốc vú nàng. Trong 5 năm qua, Ban quản lý khu bảo tồn đã triển khai nhiều hoạt động khác nhau và đạt được các kết quả như sau:

- Thực hiện công tác truyền thông nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng trong việc bảo vệ các loài có giá trị này.

- Triển khai 02 cuộc họp cấp cộng đồng (2011), với sự tham gia của hơn 30 người có hoạt động liên quan đến khai thác tôm hùm, ốc vú sao và ốc vú nàng. Kết quả cuộc họp, cộng đồng đã thống nhất các giải pháp bảo vệ tôm hùm, ốc vú sao và ốc vú nàng như: thành



lập các tổ tự quản cộng đồng khai thác - bảo vệ; thực hiện truyền thông; cam kết không khai thác tôm hùm, ốc vú sao, vú nàng có kích thước nhỏ hơn quy định, v.v.

- Triển khai ghi nhật ký khai thác: hoạt động này được thực hiện từ năm 2012. Ban quản lý khu bảo tồn đã tập huấn và triển khai cho 10 hộ tham gia ghi chép thông tin hằng ngày. Kết quả có 03/10 hộ đã thực hiện được việc ghi thông tin. Từ số liệu nhật ký khai thác kết hợp với PRA (phương pháp quản lý dựa vào cộng đồng) cho thấy: đa số tôm hùm khai thác có khối lượng lớn hơn khối lượng quy định là 0,15 kg/con, ốc vú nàng (*vú nàng vú*, *vú nàng hang*) có kích thước khai thác lớn hơn kích thước cho phép là 4cm.

- Hoạt động tuần tra kiểm soát việc khai thác tôm hùm trái phép: giai đoạn 2009 - 8/2013 đã thực hiện 660 lượt tuần tra, phát hiện 4 trường hợp vi phạm khai thác tôm hùm trong thời gian cấm, không phát hiện trường hợp nào khai thác tôm đang mang trứng.

#### 1.3.5. Hoạt động bảo vệ loài cua đá

Hoạt động bảo vệ loài cua đá được thực hiện thông qua dự án “Cộng đồng tham gia phục hồi tự nhiên và khai thác bền vững cua đá Cù Lao Chàm”, với sự hỗ trợ của Quỹ môi trường toàn cầu (GEF). Dự án được thực hiện trong giai đoạn từ tháng 9/2009 - 12/2012, do Hội nông dân xã Tân Hiệp điều hành, Ban quản lý khu bảo tồn cử cán bộ hỗ trợ kỹ thuật. Một số kết quả đạt được cụ thể như sau:

- Xây dựng quy hoạch phân vùng và quy chế quản lý: ban điều hành phối hợp với nhóm chuyên gia Dự án đã tiến hành 01 cuộc họp cấp cộng đồng, với 18 người dân khai thác cua đá tham gia để thu thập thông tin, phân tích các bên liên quan, phân vùng phân bố, khai thác, chỉ số theo dõi, ... xây dựng quy hoạch và quy chế quản lý khai thác, bảo vệ nguồn lợi cua đá; tổ chức 01 cuộc tham vấn cấp xã với 50 người tham gia, để lấy ý kiến của các cơ quan về dự thảo phân vùng và quy chế quản lý.

- Cộng đồng tham gia bảo vệ và khai thác hợp lý cua đá: đã thực hiện được các hoạt động như thành lập một tổ cộng đồng bảo vệ và khai

thác cua đá, với 33 thành viên tham gia, Tổ cộng đồng hoạt động theo quy ước được UBND xã chứng nhận; tổ chức thực hiện chương trình dán nhãn sinh thái cho cua đá được khai thác bởi các thành viên của tổ cộng đồng. Đến tháng 7/2013, tổ cộng đồng đã dán được 7.000 nhãn sinh thái cho sản phẩm cua đá trước khi đưa ra thị trường tiêu thụ.

- Truyền thông cộng đồng về bảo vệ cua đá: đã thiết kế và xây dựng các tài liệu tuyên truyền như tờ rơi, tờ gấp, bảng hướng dẫn, bảng quảng cáo, tài liệu tập huấn; thực hiện 02 lớp tập huấn cho đối tượng là chủ nhà hàng, hộ kinh doanh dịch vụ ăn uống, có gần 100 người tham gia.

#### 1.3.6. Xây dựng mô hình tiểu khu bảo tồn biển

Được sự đồng ý về chủ trương của UBND tỉnh Quảng Nam, Ban quản lý khu bảo tồn đã tiến hành xây dựng đề án thành lập Tiểu khu đồng quản lý bảo tồn biển thôn Bãi Hương vào năm 2011. Đề án đã được UBND tỉnh phê duyệt và triển khai thực hiện trong giai đoạn 2011 - 2013. Các hoạt động đã thực hiện trong khuôn khổ Tiểu khu bảo tồn biển như sau:

- Xây dựng khung thể chế:

+ Tổ chức đại hội cộng đồng: hoạt động thực hiện vào năm 2011, với sự tham gia của hơn 50 người dân thôn Bãi Hương. Kết quả Đại hội đã bầu được Ban quản lý cộng đồng (03 thành viên), Tổ tuần tra (04 thành viên), Tổ truyền thông (02 thành viên) và Tổ tự quản (02 thành viên).

+ Xây dựng quy chế quản lý Tiểu khu bảo tồn biển: ban quản lý khu bảo tồn hỗ trợ Ban quản lý cộng đồng tổ chức 03 cuộc tham vấn cộng đồng, với sự tham gia của gần 200 lượt người. Dự thảo Quy chế được Ban quản lý khu bảo tồn tham mưu Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và UBND thành phố Hội An lấy ý kiến góp ý của các sở, ban, ngành và trình UBND tỉnh. Quy chế được UBND tỉnh phê duyệt tại quyết định số 20/QĐ-UBND ngày 03/7/2013.

+ Đã xây dựng và ban hành quy chế tổ chức, hoạt động của Ban quản lý cộng đồng Tiểu khu bảo tồn biển và hương ước cộng đồng tham gia quản lý nghề cá tại thôn Bãi Hương.

- Đào tạo nâng cao năng lực: đã tổ chức 01 đợt tham quan học tập kinh nghiệm quản lý các hoạt động khai thác thủy sản của cộng đồng tại Chi hội nghề cá xã Vinh Giang, tỉnh Thừa Thiên Huế, với 14 thành viên tham gia.

- Truyền thông nâng cao nhận thức:

+ Tổ chức tập huấn truyền thông: Ban quản lý khu bảo tồn đã tổ chức 09 buổi tập huấn, truyền thông về Quy chế quản lý Tiểu khu bảo tồn biển tại 09 xã ven biển của Quảng Nam, các buổi tập huấn đã thu hút được 450 người tham gia; 04 buổi tập huấn cho cộng đồng ngư dân ở 04 thôn tại Cù Lao Chàm, với 400 người tham gia.

+ Xây dựng pano, tờ rơi: đã xây dựng được 02 pano lắp đặt tại thôn Bãi Hương; in 3.000 tờ rơi phát cho ngư dân địa phương.

+ Thiết kế trang thông tin điện tử (website): giới thiệu về các hoạt động của Tiểu khu bảo tồn biển, lồng ghép quảng bá hoạt động du lịch sinh thái của cộng đồng thôn Bãi Hương.

- Tuần tra, giám sát hoạt động khai thác thủy sản:

+ Trang bị phương tiện tuần tra: năm 2011, đã trang bị được 01 thuyền gỗ, công suất 27cv để phục vụ công tác phối hợp tuần tra trong phạm vi Tiểu khu bảo tồn biển.

+ Thực hiện tuần tra, giám sát: hoạt động này được thực hiện từ năm 2012, tính đến tháng 7/2013, đã phối hợp với Đội tuần tra khu bảo tồn biển, lực lượng Biên phòng Cù Lao Chàm, Công an xã Tân Hiệp thực hiện 175 lượt tuần tra nhằm xử lý các vụ vi phạm trong Tiểu khu bảo tồn biển.

**2. Kết quả thực thi pháp luật về bảo vệ và phát triển NLHS**

*2.1. Công tác thanh tra bảo vệ nguồn lợi thủy sản*

2.1.1. Vi phạm quy định về kích thước mắt lưới  
 Kết quả khảo sát kích thước mắt lưới nhỏ nhất tại bộ phận tập trung cá của một số ngư cụ khai thác hải sản ở Quảng Nam được thể hiện tại bảng 1.

**Bảng 1: Kích thước mắt lưới nhỏ nhất tại bộ phận tập trung cá**

TT	Nghề	Kích thước mắt lưới trung bình 2a (mm)			
		<20 cv	20÷90 cv	90÷250 cv	≥250 cv
1	Lưới kéo	-	12	12	-
2	Lưới rê	42	34	34	-
3	Lưới vây	-	20	-	20
4	Lưới mảnh	5	10	10	-
5	Lờ dây	14	14	-	-

So với các quy định hiện hành về quản lý khai thác và bảo vệ nguồn lợi, thì tỷ lệ vi phạm kích thước mắt lưới ở phần chứa cá của các nghề khai thác vẫn diễn ra.

Kết quả khảo sát cho thấy, có 92,0% tàu cá sử dụng kích thước mắt lưới ở phần chứa cá nhỏ hơn quy định hiện hành. Trong đó, có 100% tàu lưới kéo và nghề lờ dây vi phạm; nghề lưới mảnh có 36,4% tàu vi phạm; nghề lưới rê có 8,7% tàu vi phạm và chủ yếu tập trung ở các tàu làm nghề lưới rê ba lớp, công suất 20÷50cv.

2.1.2. Vi phạm ngư trường hoạt động

Với hơn 86,3% tàu thuyền có công suất nhỏ hơn 90cv, ngư trường khai thác chính của đội tàu ở Quảng Nam là vùng ven bờ và vùng lộng.

Kết quả khảo sát ngư trường hoạt động của

một số nghề khai thác hải sản ở Quảng Nam được thể hiện ở bảng 2.

Kết quả khảo sát cho thấy, có khoảng 30,0% tàu thuyền khai thác hải sản vi phạm quy định về ngư trường đánh bắt. Trong đó, có 100% tàu hoạt động nghề lưới kéo, lưới rê, nghề mảnh, nghề câu và nghề bẫy có công suất ≥90cv vi phạm ngư trường khai thác; có 100% tàu có công suất 20÷90cv làm nghề lưới rê và nghề lờ dây vi phạm ngư trường, tỷ lệ này ở nghề khác dao động từ 16,1% đến 75%. Các tàu có nhóm công suất <20cv hầu như không vi phạm quy định về ngư trường khai thác. Riêng nghề mảnh, có 50,0% các tàu được khảo sát vi phạm ngư trường, theo quy định thì các tàu này chỉ được khai thác ở vùng ven bờ, tuy nhiên các tàu này lại ra vùng lộng đánh bắt. Các tàu lưới

**Bảng 2: Ngư trường hoạt động của các tàu khai thác hải sản ở Quảng Nam**

Nghề	Nhóm công suất (cv)	Ngư trường hoạt động (%)		
		Ven bờ	Vùng lộng	Xa bờ
Lưới kéo	<20	-	-	-
	20÷90	37,8	62,2	0,0
	≥90	0,0	100,0	0,0
Lưới rê	<20	95,2	4,8	0,0
	20÷90	100,0	0,0	0,0
	≥90	0,0	100,0	0,0
Lưới vây	<20	-	-	-
	20÷90	0,0	100,0	0,0
	≥90	0,0	0,0	100,0
Lưới mảnh	<20	50,0	50,0	0,0
	20÷90	52,9	47,1	0,0
	≥90	0,0	100,0	0,0
Bẫy (Bẫy mực, Bẫy ghe)	<20	-	-	-
	20÷90	9,7	83,9	6,5
	≥90	0,0	100,0	0,0
Câu	<20	100,0	0,0	0,0
	20÷90	75,0	25,0	0,0
	≥90	-	-	-
Lờ dây	<20	100,0	0,0	0,0
	20÷90	100,0	0,0	0,0
	≥90	-	-	-

vây tuân thủ quy định về ngư trường khai thác tốt nhất, có 100% tàu được khảo sát đều hoạt động đúng theo các vùng nước quy định.

**2.2. Quan điểm của ngư dân về công tác bảo vệ NLHS**

Ngư dân là đối tượng trực tiếp khai thác NLHS, do đó ngoài công tác quản lý của các cấp chính quyền địa phương thì việc ngư dân nhận thức, tham gia vào công tác bảo vệ và phát triển NLHS đóng vai trò vô cùng quan trọng. Kết quả điều tra về việc sử dụng ngư cụ cấm, về ngư cụ có tác động xâm hại tới nguồn lợi và nguyên nhân còn tồn tại việc này trong cộng đồng ngư dân cho thấy:

- Có 31,3% người được hỏi trả lời ở Quảng Nam có tình trạng sử dụng ngư cụ cấm để khai thác hải sản. Theo đánh giá của ngư dân có 3 nguyên nhân chính dẫn đến tình trạng các tàu vẫn sử dụng ngư cụ cấm để khai thác hải sản là công tác quản lý của địa phương, ý thức của ngư dân và do tàu của địa phương khác vào đánh bắt. Trong đó, có tới 50,8% ngư dân cho rằng việc tồn tại ngư cụ cấm là do công tác quản lý yếu kém của địa phương; 47,7% người được hỏi trả lời là do ý thức của người dân

kém; 9,2% cho rằng do công tác tuyên truyền của địa phương đến người dân chưa được tốt.

- Khi được hỏi về loại ngư cụ hoạt động làm ảnh hưởng nhiều đến NLHS ở Quảng Nam thì có tới 95,1% người được hỏi cho rằng là nghề đăng đáy, te, xiệc; tỷ lệ ngư dân trả lời là nghề lưới kéo dao động từ 63,2% - 64,3%; tỷ lệ đánh giá nghề lờ dây là 33,5%. Chỉ có 1,1% người được hỏi cho rằng nghề lưới rê là nghề xâm hại đến NLHS nhiều mặc dù tỷ lệ tàu lưới rê vi phạm quy định về kích thước mắt lưới và ngư trường khai thác ở Quảng Nam tương đối cao.

**IV. KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ**

**1. Kết luận**

- Đội ngũ cán bộ và cơ sở vật chất thực thi công tác bảo vệ NLHS ở Quảng Nam vẫn còn thiếu và hạn chế, chưa kiểm soát được hoạt động đánh bắt của ngư dân trên các vùng biển.

- Công tác bảo vệ nguồn lợi trong các khu bảo tồn biển ở Quảng Nam đã được thực hiện khá tốt, đặc biệt là tại khu bảo tồn Cù Lao Chàm, góp phần bảo vệ và phát triển NLHS của vùng biển Quảng Nam.

- Các văn bản, chính sách về quản lý khai

thác, bảo vệ và phát triển NLHS của Nhà nước nói chung và tỉnh Quảng Nam nói riêng đã được xây dựng và ban hành khá hoàn thiện và đầy đủ.

- Tỷ lệ tàu thuyền vi phạm quy định về kích thước mắt lưới khai thác cho phép và ngư trường khai thác ở Quảng Nam còn khá nhiều.

- Quan điểm của ngư dân về sử dụng ngư cụ cấm, ngư cụ có tính xâm hại và công tác quản lý hoạt động khai thác của các cơ quan quản lý còn chưa tốt.

## 2. Kiến nghị

- UBND tỉnh Quảng Nam cần tiếp tục đẩy mạnh chủ trương nâng cấp tàu thuyền khai thác hải sản xa bờ, hạn chế đội tàu khai thác ven bờ.

- Tăng cường hơn nữa công tác quản lý nghề khai thác hải sản, đặc biệt là các quy định về ngư cụ cấm, kích thước mắt lưới và ngư trường hoạt động của các nghề và theo nhóm công suất tàu.

- Đầu tư thêm cơ sở vật chất và tăng cường nhân lực cho lực lượng thanh tra thủy sản của địa phương.

- Nhân rộng mô hình quản lý ở khu bảo tồn biển Cù Lao Chàm ra các vùng biển khác, trong đó đề cao vai trò đồng quản lý của người dân.

## TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Văn Cường (2017), *Nghiên cứu đánh giá hiện trạng nguồn lợi hải sản và môi trường ở vùng biển Quảng Nam và lân cận*, Báo cáo chuyên đề, Viện nghiên cứu Hải sản.
2. Nguyễn Hữu Đại (2006), *Xây dựng mô hình phục hồi và quản lý hệ sinh thái cỏ biển ở xã Tam Giang*, Viện Hải dương học.
3. Nguyễn Văn Long (2008), *Báo cáo kết quả đánh giá đa dạng sinh học và chất lượng môi trường khu Bảo tồn biển Cù Lao Chàm giai đoạn 2004 – 2008*, Viện Hải dương học.
4. Nguyễn Văn Lục (2005), *Hiện trạng nguồn lợi sinh vật đới bờ tỉnh Quảng Nam*, Báo cáo chuyên đề, Viện Hải dương học.
5. Nguyễn Trọng Lương (2015), *Nghiên cứu xây dựng mô hình chà - rạn nhân tạo nhằm khai thác bền vững và tái tạo nguồn lợi ven bờ tỉnh Quảng Nam*, Báo cáo tổng kết đề tài, Trường Đại học Nha Trang.
6. Tô Văn Phương (2016), *Khai thác hợp lý nguồn lợi thủy sản tại vùng biển ven bờ huyện Núi Thành, tỉnh Quảng Nam*, Luận án tiến sĩ, Trường Đại học Nha Trang.
7. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Quảng Nam (2017), *Báo cáo thường niên về kết quả sản xuất nông nghiệp trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*.
8. Nguyễn Trọng Thảo (2018), "Nghiên cứu đánh giá hiện trạng khai thác hải sản vùng biển ven bờ tỉnh Quảng Nam và lân cận", *Khoa học và Công nghệ Thủy sản*, (2), tr. 63-70.
9. UBND tỉnh Quảng Nam (2014), *Quyết định số 28/2014/QĐ-UBND, ngày 20/10/2014 về việc ban hành quy chế quản lý hoạt động khai thác, bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản trên địa bàn tỉnh Quảng Nam*.